

HOA NÔNG NƠI CHỖ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nõ tuổi :Mau giao
Tong số tre :298

Sang : Bún riêu thòt tôm kho cá chua trồng
gia nấu hu huyết ngo gai
Sõa grow
Trõa : Cõm tôm rim thòt cá rot. Canh rau
mong tõi nam rôm mỗp thòt ga.
Mon luoc: nấu bap
Xe: sõa grow
Xe chieu: Chao cá loc bí nõ me ngo rí

Số Tiền Trên Mọi Tre 36985				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nõn gia(ñ/100g)	Thanh tiền(ñ)
	*CHỖ			
1	Rạm (mười)	2,000	1,060	21,200
2	Tôm kho	200	79,870	159,740
3	Tôm bien	5,300	36,540	1,936,620
4	Cá loc	3,000	18,480	554,400
5	Me nèn*	200	24,090	48,180
6	Nõộc mạm Cá (loại 1)	3,000	6,160	184,800
7	Dầu thảo mộc	4,000	6,280	251,200
8	Nõng cat	3,000	3,880	116,400
9	Dầu me	1,000	3,870	38,700
10	Xì dầu	1,000	990	9,900
11	Gạo tẻ may	23,000	2,630	604,900
12	Hành lã	1,500	5,250	78,750
13	Hành củ tõi	1,000	6,300	63,000
14	Cá rot	2,500	5,570	139,250
15	Gia nấu xanh	1,000	2,730	27,300
16	Rau ngo (Rau mui)	100	8,720	8,720
17	Cá chua	3,500	7,350	257,250
18	Rau mui tau (ngo gai)	100	6,510	6,510
19	Nấu bap	3,000	7,350	220,500
20	Bí ngo (Bí nõ)	3,000	3,990	119,700
21	Nam rôm	1,000	14,180	141,800
22	Rau mong tõi	4,500	4,100	184,500
23	Mỗp	6,000	4,200	252,000
24	Bún	17,000	1,710	290,700
25	Nấu hũu chịn	3,000	3,300	99,000
26	Thòt lỏn nạc	11,000	18,800	2,068,000
27	Thòt gà loại 1	1,500	12,920	193,800
28	Tiệt luoc	1,500	4,180	62,700
29	Trõng vòt	2,500	5,400	135,000
Cong				8,274,520
	*XUAT KHO			
30	Sõa bot Abbot Grow	13,400	20,500	2,747,000
Cong				2,747,000
Tong tiền thức phẩm				11,021,520 ñ
Chi phí khác				0(ñ)
Tiền nõộc chi trong ngay				11026000(ñ)
Số đồ nấu ngay				0(ñ)
Số đồ cuoi ngay				4480(ñ)
Xuất ăn luy ke tõi nấu thang				
Tiêu chuan luy ke tõi nấu thang				
Tiền chi luy ke tõi nấu thang				